TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/KDTM- ST
Ngày: 20 - 5 - 2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng bảo lãnh "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hùng

Ông Đường Thanh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2026/TLST-KDTM ngày 17 tháng 3 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng bảo lãnh*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2026/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 113/2026/QĐST-KDTM ngày ngày 04 tháng 5 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH P (Công ty P); Địa chỉ: Số B, T, Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn C – Giám đốc (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Công ty TNHH Một thành viên N (Công ty N). Địa chỉ: Số I, ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh L – Giám đốc (vắng mặt).

2. Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1981; Nơi cư trú: ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH F; Địa chỉ: Số A, đường B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Diệp Thị Mỹ H – Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2026 của Công ty TNHH P *cũng như trong suốt quá trình tố tụng ông Đào Văn C là người đại diện theo pháp luật trình bày:*

Ngày 05/4/2024 Công ty TNHH F (Công ty F) và Công ty TNHH Một thành viên N (Công ty N) có ký hợp đồng nguyên tắc số 221/2024/HĐNT/NSHL-FN về việc mua bán các mặt hàng nông sản/trái cây/thiết bị nông nghiệp/các sản phẩm khác. Sau khi ký hợp đồng Công ty TNHH F đã giao giao dừa khô cho Công ty N theo đơn hàng số 1536/NSHL-FN ngày 10/02/2025 nên Công ty N phải trả cho Công ty F số tiền 390.225.000 đồng. Đến ngày 10/02/2025 Công ty N đã thanh toán cho Công ty F số tiền 199.074 đồng. Do đó, đến thời điểm hiện tại Công ty N còn nợ lại Công ty F số tiền là 390.025.926 đồng. Công ty F đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu Công ty N trả nợ nhưng Công ty N không thực hiện theo đúng thoả thuận.

Ngày 16/12/2025 Công ty TNHH F và Công ty TNHH P (Công ty P) đã ký hợp đồng số 38/2025/HĐMBQĐN - FN về việc mua bán tài sản/khoản nợ. Đến ngày 26/12/2025 Công ty F đã gửi thông báo cho Công ty N về việc chuyển giao quyền đòi nợ của Công ty F sang Công ty P. Do đó, Công ty P kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty F liên quan đến khoản nợ phát sinh theo hợp đồng nguyên tắc số 221/2024/HĐNT/NSHL-FN đã ký kết giữa Công ty F với Công ty N.

Nay Công ty P yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc Công ty N thanh toán số nợ còn thiếu theo hợp đồng nguyên tắc số 221/2024/HĐNT/NSHL-FN đã ký kết giữa Công ty F với Công ty N là 390.025.926 đồng.

2. Yêu cầu Công ty N trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 20/12/2025 đến ngày Tòa xét xử.

3. Trường hợp Công ty N không thanh toán được nợ Công ty P yêu cầu ông Phạm Thanh L thanh toán cho Công ty P số tiền nợ theo hợp đồng nguyên tắc số 221/2024/HĐNT/NSHL-FN ngày 05/4/2024 đã ký kết giữa Công ty F với Công ty N và cam kết bảo lãnh ngày 08/6/2024 do ông Phạm Thanh L ký.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty N và ông Phạm Thanh L vắng mặt tại phiên tòa cũng như trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Công ty TNHH F vắng mặt nhưng có lời trình bày trong quá trình tố tụng như sau:

Ngày 16/12/2025 Công ty TNHH F và Công ty TNHH P (Công ty P) đã ký hợp đồng số 38/2025/HĐMBQĐN - FN về việc mua bán tài sản/khoản nợ. Theo nội dung thoả thuận, Công ty F đã chuyển nhượng toàn bộ quyền đòi nợ đối với toàn bộ khoản công nợ tồn đọng phát sinh từ các hợp đồng mua bán hàng hoá giữa Công ty F với Công ty N sang cho Công ty P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2026 của Công ty TNHH P thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*". Xác định Công ty TNHH P là nguyên đơn, Công ty TNHH một thành viên N, ông Phạm Thanh L là bị đơn và Công ty TNHH F là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long.

[1.2] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Công ty TNHH Một thành viên N, ông Phạm Thanh L có địa chỉ trụ sở và nơi cư trú có tại xã N, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ Điều

35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc vắng mặt đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho Công ty TNHH Một thành viên N, ông Phạm Thanh L đến để tham gia phiên tòa nhưng Công ty TNHH Một thành viên N, ông Phạm Thanh L vắng mặt không rõ lý do, đồng thời trong quá trình tố tụng Công ty F1 có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty TNHH Một thành viên N, ông Phạm Thanh L và Công ty F là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Trong suốt quá trình tố tụng Công ty P yêu cầu Công ty N trả số tiền mua bán dừa trái khô là 390.025.926 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 20/12/2025 đến ngày Tòa xét xử, Công ty N không có ý kiến, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ hợp đồng hợp đồng nguyên tắc số 221/2024/HĐNT/NSHL-FN ngày 05/4/2024 đã ký kết giữa Công ty F với Công ty N.

Căn cứ vào đơn hàng số 1536/NSHL-FN ngày 10/02/2025 do Công ty N và Công ty F ký.

Căn cứ biên bản giao hàng giữa bên bán là Công ty TNHH X với bên mua Công ty F về việc giao nhận hàng và công ty nhận hàng là Công ty N.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 348 ngày 25/02/2025 giữa bên bán hàng là Công ty F và bên mua hàng là Công ty N, theo đó số tiền mua hàng trên hóa đơn là 390.225.000 đồng

Căn cứ hợp đồng số 38/2025/HĐMBQĐN - FN về việc mua bán tài sản/khoản nợ ngày 16/12/2025 Công ty TNHH F và Công ty TNHH P (Công ty P)

Từ những căn cứ trên đủ cơ sở xác định Công ty N còn nợ lại Công ty P số tiền là 390.025.926 đồng, do đó yêu cầu khởi kiện của Công ty P là có căn cứ nên được chấp nhận.

Xét về yêu cầu tính lãi:

Công ty P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty N phải có nghĩa vụ trả cho Công ty P số tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng trên số tiền nợ còn thiếu là 390.025.926 đồng, Công ty N không có ý kiến. Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu của Công ty P phù hợp quy định tại Điều 357, Điều 430, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Như vậy, số tiền lãi mà Công ty N phải trả cho Công ty P từ ngày 20/12/2025 đến ngày 20/5/2026 là 05 tháng với số tiền là 16.186.000 đồng.

[2.2] Ngoài ra, Công ty P yêu cầu ông Phạm Thanh L trả toàn bộ số nợ trên thay cho Công ty N trong trường hợp Công ty N không thanh toán số nợ trên, ông Phạm Thanh L không có ý kiến, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ cam kết bảo lãnh giữa ông Phạm Thanh L với Công ty cổ phần H1 (chủ sở hữu của Công ty F), ông Phạm Thanh L cam kết bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thay cho Công ty N. Theo đó, ông Phạm Thanh L đồng ý bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ cho Công ty N nhưng không vượt quá phạm vị bảo lãnh với số tiền là 1.000.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu của Công ty P là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về án phí án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty P được chấp nhận nên Công ty N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 20.310.500 đồng do vi phạm nghĩa vụ.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty P theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 340**,** Điều 342**,** Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 24, 50, 55, 297 và 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Áp dụng Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty P, cụ thể tuyên:

1. Buộc Công ty TNHH MTV N phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH P số tiền mua dừa khô trái còn thiếu tính đến ngày 20/5/2026 là 406.211.926 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 390.025.926 đồng và tiền lãi là 16.186.000 đồng .

2. Trong trường hợp Công ty TNHH MTV N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ông Phạm Thanh L phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các khoản nợ của Công ty TNHH MTV N đối với Công ty TNHH P theo nội dung bản án đã tuyên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. *Về án phí*:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là là 20.310.500 đồng Công ty TNHH MTV N có nghĩa vụ chịu.

Hoàn trả cho Công ty TNHH P số tiền tạm ứng án phí là 9.793.000 đồng theo biên lai thu số 0004798 ngày 17/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng

mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:
- TAND Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 6 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP, THA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Diễm